

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Ông Thái Văn Sơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:***  
Không.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 490/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh.

Địa chỉ hội sở: Tầng 23, TTTM S, số 37 đường T, phường B, Quận X, Thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Atul D, sinh năm: 1973. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trịnh Lâm Khả Th, sinh năm: 1974. Chức vụ: Nhân viên bộ phận pháp chế và tuân thủ (Có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 20/8/2020 của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh).

*2. Bị đơn:* Ông Trương Công B, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 163 Tỉnh lộ 2, tổ 6, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**



*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21/8/2020, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh (sau đây gọi tắt là Công ty Sh) - có người đại diện theo ủy quyền là ông Trịnh Lâm Khả Th trình bày:*

Ngày 14/8/2017, Công ty Trách nhiệm Một thành viên Tài chính Pr (đổi tên thành Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh vào ngày 22/7/2019) ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 với ông Trương Công B. Theo hợp đồng, Công ty Sh cho ông B vay số tiền gốc là 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất tính trên dư nợ giảm dần là 36%/năm, bên vay trả nợ gốc và lãi mỗi tháng vào ngày 01 hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/9/2017.

Trong quá trình vay, ông B đã trả được nợ gốc và lãi cho Công ty Sh 02 kỳ, kỳ đóng cuối cùng là vào ngày 01/02/2018, tổng cộng là 4.861.700đ, trong đó tiền gốc là 1.795.500đ, tiền lãi là 3.066.200đ. Sau kỳ thanh toán này cho đến nay, ông Bình không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, không thanh toán nợ cho Công ty Sh. Công ty Sh đã nhiều lần điện thoại, gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông B vẫn không thanh toán cho Công ty Sh số tiền nợ còn lại.

Tính đến ngày 19/01/2021, số tiền ông B còn nợ Công ty Sh tổng cộng là 68.051.200đ, cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc: 37.204.500đ;
- Tiền lãi trong hạn: 22.475.700đ.
- Tiền lãi quá hạn: 8.371.000đ.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Sh, Công ty Sh đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông B phải thanh toán số tiền gốc và lãi tổng cộng là 68.051.200đ như đã nêu trên cho Công ty Sh. Ngoài ra từ ngày 20/01/2021, ông B còn phải thanh toán cho Công ty Sh số tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*\* Bị đơn là ông Trương Công B vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 21/8/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Sh đề nghị Tòa án buộc ông Trương Công B thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Công ty Shi đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của ông B thể hiện tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017, địa chỉ nơi cư trú của ông B là số



163 Tỉnh lộ 2, tổ 6, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

## **[2] Về thủ tục tố tụng:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi không thể tổng đạt được được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên phải niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên, kết quả niêm yết của Văn phòng Thừa phát lại H và theo xác nhận của Ban Chỉ huy Công an xã T, huyện C (do Công ty Sh cung cấp) thì ông Trương Công B có đăng ký tạm trú số 163 Tỉnh lộ 2, tổ 6, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố H nhưng đã không còn cư trú tại đây, đi đâu không rõ. Hội đồng xét xử xét tại đơn khởi kiện nộp ngày 21/8/2020, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thể hiện tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017, như vậy nguyên đơn được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 5 và Điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

## **[3] Về yêu cầu của đương sự:**

Công ty Sh yêu cầu ông Trương Công B thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/01/2021 là 68.051.200đ.

Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017, ông Bình chỉ thanh toán được cho Công ty Sh một phần tiền vay bao gồm cả gốc và lãi là 4.861.700đ, theo các tài liệu, chứng cứ do Công ty Sh cung cấp thì Công ty Sh đã nhiều lần thông báo nhắc nợ đối với ông B. Việc ông B không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty Sh, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của khách hàng quy định tại Điều 1 Phần II của Hợp đồng tín dụng cá nhân nêu trên và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một



bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017 là có cơ sở để chấp nhận.

**[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Trương Công B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho Công ty Sh theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty Shinhan.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh.

Buộc ông Trương Công B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017 tính đến ngày 19/01/2021 là 68.051.200đ (Sáu mươi tám triệu không trăm năm mươi một ngàn hai trăm đồng).

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

**2.** Ông Trương Công B phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2021 cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10977592 ngày 14/8/2017.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Công B phải chịu án phí là 3.402.560đ (Ba triệu bốn trăm lẻ hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng);

- Hoàn lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sh số tiền tạm ứng án phí là 2.146.782đ (Hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013826 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.



Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

**4.** Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**